

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 05-8-2026  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Lê

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng;
- Ông Trần Anh Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 215/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Từ Mỹ H, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 07518600xxxx; nơi thường trú: tổ 3, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trí Q, sinh năm 1981; căn cước công dân số: 07408100xxxx; nơi thường trú: tổ 5, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Từ Mỹ H trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Từ Mỹ H và ông Nguyễn Trí Q quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 19/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình ông Q tại địa chỉ: tổ 5, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất khoảng 01 năm trở lại đây. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, không những vậy ông Q còn thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, con cái. Khoảng tháng 3/2026, bà H dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, từ đó vợ chồng ly thân. Do các con đều ở cùng ông Q nên hàng ngày bà H vẫn đến nhà ông Q để chăm sóc các con. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x và Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x. Hiện tại đang sống cùng ông Q. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao con chung Nguyễn Đăng Quang Đ cho ông Nguyễn Trí Q được nuôi dưỡng; bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phước Minh L vì hiện tại bé còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc từ người mẹ. Bà H có đủ tài chính để chăm sóc nuôi dưỡng con, hiện nay bà H đang làm việc tại Công ty Hồng N, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ngoài ra bà H còn cho thuê 02 căn kiốt mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Trí Q trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Q và bà H quen biết nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 19/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình ông Q tại địa chỉ: tổ 5, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khoảng hơn 01 năm nay bà H dọn về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay; từ đó, vợ chồng ly thân. Ông Q đã nhiều lần nói vợ về nhà ở để con cái, vợ chồng được gần nhau nhưng bà H không đồng ý. Do tính chất công việc nên ông Q có thường xuyên ăn nhậu nhưng không đánh vợ con, không cờ bạc, vẫn yêu thương, chăm sóc vợ con. Nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông Q vẫn còn tình cảm với vợ, ông Q mong muốn bà H tha thứ và cho

ông thêm cơ hội để thay đổi, để con cái có cả cha lẫn mẹ nên không đồng ý ly hôn với bà H.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x và Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x. Hiện tại các con đang sống cùng ông Q và ông bà nội, hàng ngày các con đi học đều do ông Q đưa đón, chăm sóc. Mặc dù đã ly thân nhưng hàng ngày bà H vẫn đến chăm sóc các con. Từ cuối năm 2023 cho đến nay, ông Q làm tài xế lái xe cho Công ty Ngũ Kim Việt C nhưng không có hợp đồng lao động, mức thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Trường hợp phải ly hôn thì ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Từ Mỹ H cấp dưỡng nuôi con chung. Sở dĩ, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì ông nhận thấy ông và gia đình ông có điều kiện kinh tế hơn bà H, ngoài thu nhập hàng tháng ông còn được cha mẹ hỗ trợ một phần chi phí để chăm lo cho các con; công việc của ông cũng không ảnh hưởng nhiều đến việc đưa đón và chăm sóc các con như bà H; còn gia đình bà H mặc dù có mẹ bà H đỡ đần nhưng sức khỏe của bà không được tốt nên không thể phụ giúp bà H chăm sóc con cái.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/5/2026 của cháu Nguyễn Đăng Quang Đ trình bày: Nếu ba mẹ ly hôn, cháu Đ có nguyện vọng được sống với ba là ông Nguyễn Trí Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: về quan hệ hôn nhân: bà Từ Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Trí Q; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x cho bà Từ Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x cho ông Nguyễn Trí Q được trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản

chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Từ Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trí Q và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trí Q hiện đang cư trú tại tổ 5, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: bị đơn ông Nguyễn Trí Q vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Mỹ H và ông Nguyễn Trí Q là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 19/8/2016. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Từ Mỹ H xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông Nguyễn Trí Q không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, không những vậy ông Q còn thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, con cái. Do không thể tiếp tục chung sống với ông Q nên bà H đã dọn về sống với mẹ đẻ từ đầu tháng 3/2026 cho đến nay; từ đó vợ chồng ly thân; hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Ông Q xác định muốn đoàn tụ với bà H nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà H không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với ông Q; vợ chồng ly thân gần 01 năm nay.

Xét thấy, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà H và ông Q là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông Q đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Từ Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trí Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng bà H và ông Q có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x và Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x; giao con chung Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; còn ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Xét thấy, con chung Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x hiện tại mới 25 tháng 10 ngày tuổi (dưới 36 tháng tuổi), do đó rất cần sự chăm sóc từ người mẹ, bà H có đầy đủ năng lực, không bị hạn chế quyền và có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, bà H yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Phước Minh L là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và được bà H đồng ý; đồng thời cháu Đ có nguyện vọng được sống với ông Q. Do đó, bà H yêu cầu giao con chung Nguyễn Đăng Quang Đ cho ông Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Từ Mỹ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Nguyễn Trí Q như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Trí Q.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Phước Minh L, sinh ngày 25/6/202x cho bà Từ Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Nguyễn Đăng Quang Đ, sinh ngày 06/02/201x cho ông Nguyễn Trí Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Từ Mỹ H và ông Nguyễn Trí Q đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Từ Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00230xx ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường T, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Lê**